

Thứ ba, ngày 2 tháng 2 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tăng điểm trở lại, VNIndex vượt ngưỡng 1075

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/2/2021		•	
Tuần 1/2-5/2/2021		•	
Tháng 2/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng cho đến cuối phiên chiều và đóng cửa ở trên ngưỡng 1075. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư gia tăng trở lại. Ngoài ra, khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HSX nhưng đã chuyển sang bán ròng trên HNX. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực nhưng thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ giằng co tại khu vực 1070-1080 vào phiên tới khi đây là vùng kháng cự trong ngắn hạn của chỉ số.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1100 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/2/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_5.8%**

Phân tích kỹ thuật: PC1_Tăng giá (Trang 4)

Báo cáo cập nhật Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB (Trang 7)

Điểm nhấn

- VN-Index **+40.02** điểm, đóng cửa **1075.53**. HNX-Index **+6.51** điểm, đóng cửa **215.36**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.43)**; **VHM (+5.53)**; **VCB (+5.47)**; **VNM (+2.06)**; **HPG (+1.94)**.
- Kéo chỉ số giảm: **ITA (-0.09)**; **ASM (-0.07)**; **DHG (-0.06)**; **FIT (-0.06)**; **HAG (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,661** tỷ đồng, **-5.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 13,160 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 46.17 điểm. Thị trường có **331** mã tăng, 30 mã tham chiếu và **130** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **104.21** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (152.7 tỷ)**, **VNM (120.1 tỷ)** và **VHM (97.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.21** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	1075.53
Giá trị: 11661.07 tỷ	40.02 (3.86%)
Khối ngoại (ròng): 104.21 tỷ	

HNX-INDEX	215.36
Giá trị: 771.04 tỷ	6.51 (3.12%)
Khối ngoại (ròng): -7.21 tỷ	

UPCOM-INDEX	71.66
Giá trị: 589.2 tỷ	0.58 (0.82%)
Khối ngoại (ròng): -13.31 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	54.4	1.59%
Giá vàng	1,848	-0.71%
Tỷ giá USD/VND	23,027	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,938	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,941	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	74.88%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-11.54%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	152.7	VRE	54.1
VNM	120.1	HSG	44.5
VHM	97.3	MSN	37.8
KBC	89.3	NVL	37.6
VIC	17.0	BID	37.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Báo cáo OCB	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	5.8%	4.9%	4.9%	0.4%	0.4%	0.4%	52.4%
VN FinSelect	5.2%	4.3%	4.3%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	49.6%
FTSE Việt Nam	5.2%	3.0%	3.0%	0.5%	0.5%	0.5%	45.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	5.0%	2.2%	2.2%	2.9%	2.9%	2.9%	47.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	4.9%	2.2%	2.2%	2.0%	2.0%	2.0%	45.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	4.8%	2.3%	2.3%	-0.6%	-0.6%	-0.6%	44.2%
Ngân Hàng	4.5%	3.9%	3.9%	-1.6%	-1.6%	-1.6%	46.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	4.4%	1.6%	1.6%	4.4%	4.4%	4.4%	44.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	4.3%	-1.2%	-1.2%	10.9%	10.9%	10.9%	50.0%
VN Diamond	4.0%	1.3%	1.3%	3.3%	3.3%	3.3%	45.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	4.0%	3.3%	3.3%	4.6%	4.6%	4.6%	39.1%
Xây dựng	3.9%	-0.4%	-0.4%	-4.6%	-4.6%	-4.6%	43.6%
Lãi suất giảm	3.9%	0.6%	0.6%	-4.5%	-4.5%	-4.5%	47.8%
Đầu tư công	3.6%	1.2%	1.2%	-7.8%	-7.8%	-7.8%	47.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	3.6%	-2.0%	-2.0%	-15.1%	-15.1%	-15.1%	60.1%
Dầu khí	3.5%	-1.2%	-1.2%	-6.0%	-6.0%	-6.0%	65.8%
Nước & Năng lượng	3.4%	0.5%	0.5%	-4.6%	-4.6%	-4.6%	41.3%
Hàng tiêu dùng	3.4%	0.1%	0.1%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	42.8%
Chiến tranh thương mại	3.0%	-2.6%	-2.6%	2.7%	2.7%	2.7%	50.3%
Stay-at-home	3.0%	1.8%	1.8%	-6.7%	-6.7%	-6.7%	47.7%
EVFTA	2.7%	-3.1%	-3.1%	17.2%	17.2%	17.2%	50.8%
Vật liệu Xây dựng	2.3%	1.3%	1.3%	-0.5%	-0.5%	-0.5%	37.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.2%	-1.0%	-1.0%	-1.9%	-1.9%	-1.9%	39.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.1%	-3.3%	-3.3%	3.4%	3.4%	3.4%	46.4%
Corona Avengers	2.0%	-3.9%	-3.9%	3.9%	3.9%	3.9%	47.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	-2.3%	-2.3%	-4.9%	-4.9%	-4.9%	34.6%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	4.8%	1.0%	1.0%	1.2%	1.2%	1.2%	44.3%
M22	4.8%	3.1%	3.1%	0.8%	0.8%	0.8%	44.8%
S21	4.7%	0.6%	0.6%	1.0%	1.0%	1.0%	45.3%
L32	4.5%	1.7%	1.7%	-3.9%	-3.9%	-3.9%	46.4%
M12	4.2%	2.1%	2.1%	1.9%	1.9%	1.9%	43.2%
S11	4.1%	3.1%	3.1%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	43.0%
S32	3.7%	0.4%	0.4%	0.5%	0.5%	0.5%	42.3%
L11	3.3%	0.7%	0.7%	2.7%	2.7%	2.7%	40.3%
M31	3.2%	2.0%	2.0%	-1.5%	-1.5%	-1.5%	39.8%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	5.2%	2.2%	2.2%	16.6%	16.6%	16.6%	48.9%
HIGH3	4.6%	2.2%	2.2%	3.7%	3.7%	3.7%	45.5%
MID1	4.4%	4.4%	4.4%	2.7%	2.7%	2.7%	42.7%

INDEX							
VNINDEX	3.9%	1.8%	1.8%	-2.6%	-2.6%	-2.6%	40.2%
VN30INDEX	4.8%	3.0%	3.0%	0.8%	0.8%	0.8%	44.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	13	13	8	18	8	18
Mục tiêu	9	6	3	4	5	4	5
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 02/2

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.29	1.38%	3.19%	11.94%	8.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.05	1.24%	2.53%	10.09%	3.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	161.14	1.34%	2.32%	14.58%	16.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1848.04	-0.68%	-0.16%	-2.67%	17.26%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.76	-4.45%	8.99%	5.15%	57.29%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1359.75	-0.40%	-0.77%	4.56%	47.88%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	652.50	0.23%	-1.92%	1.83%	13.53%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.19	0.12%	-2.23%	-8.99%	-4.76%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	221.34	-1.52%	2.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.15	2.02%	2.60%	7.38%	10.31%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	125.35	1.95%	1.70%	-0.04%	9.24%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7798.50	-0.73%	-2.14%	-0.62%	41.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	647.70	-1.38%	-3.18%	-1.82%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	670.92	-1.02%	-2.35%	-2.42%			
Nhôm	USD/ton	1969.00	-0.43%	-2.14%	-1.53%	16.75%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	148.07	-3.16%	-8.30%	-2.03%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	84.00	-0.18%	-3.00%	3.19%	19.66%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 2/2, dầu thô Brent tăng 1,31 USD hay 2,4% lên 56,35 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 1,35 USD hay 2,6% lên 53,55 USD/thùng. Cả hai loại dầu này tăng gần 8% trong tháng 1.
- Ngân hàng Goldman Sachs cho biết giá dầu có thể tăng lên 65 USD/thùng vào tháng 7, dự báo thị trường dầu thiếu hụt 900.000 thùng/ngày trong nửa đầu năm 2021, cao hơn so với dự báo thiếu hụt 500.000 thùng/ngày trước đó.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0,8% lên 1.860,93 USD/ounce, trong khi vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa tăng 0,7% lên 1.863,9 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Quặng sắt Đại Liên giảm 0,8% sau một phiên biến động. Quặng sắt tại Singapore giảm 1,2%. Thép thanh tại Thượng Hải giảm 1,2% trong khi thép cuộn cán nóng giảm 1,5%. Thép không gỉ tăng 1,2%.
- Nhu cầu nguyên liệu sản xuất thép cũng bị hạn chế do lợi suất sản xuất thép giảm bởi chi phí nguyên liệu thô cao vào nhu cầu thép yếu theo mùa ở Trung Quốc.
- Áp lực với than cốc Đại Liên xuất hiện sau báo cáo ngày 15/1 rằng Trung Quốc đang xem xét cho phép một số lô than của Australia bị mắc kẹt tại các cảng được bốc dỡ. Trung Quốc đã không cho phép bất cứ lô than nào từ Australia được thông quan trong tháng 12/2020. Khoảng 70 tàu chứa khoảng 6 triệu tấn than nhiệt và than cốc của Australia đang đợi ngoài khơi Trung Quốc đợi dỡ hàng.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 7 trên sàn giao dịch Osaka kết thúc ngày ở mức 236 JPY (2,25 USD)/kg.
- Hợp đồng cao su giao tháng 5 tại Thượng Hải tăng gần 2% đóng cửa tại 14.655 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 2,4 US cent hay 2% lên 1,2535 USD/lb. • Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.21 US cent xuống 15.76 US cent/lb.
- Đường trắng kỳ hạn tháng 3 tăng 8,6 USD hay 1,9% lên 464,7 USD/tấn.

	2/2	% 2/2	1/2	% 1/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1075.53	3.86%	1035.51	-2.00%	-5.33%	-2.57%
S&P 500			3773.86	1.61%	-2.11%	1.26%
HĐTL S&P500	3794.25	0.76%	3765.75	1.63%	-1.26%	1.88%
Shang- hai	3533.69	0.81%	3505.28	0.64%	-1.00%	1.75%
Euro Stoxx	3569.32	1.09%	3530.85	1.42%	-0.65%	0.47%

Phân tích kỹ thuật

PC1_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: PC1 đã quay trở lại xu hướng tăng sau khi có quãng thời gian điều chỉnh nhẹ trong nửa cuối tháng 1. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của PC1 nằm tại khu vực xung quanh 23. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 28.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 22 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

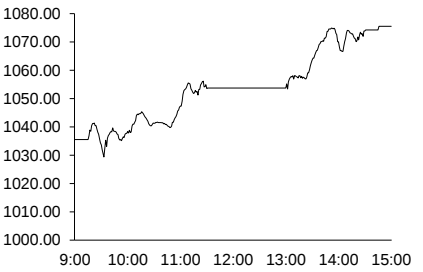
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-13.51%
Dịch vụ tài chính	-6.94%
Ô tô và phụ tùng	-6.30%
Bảo hiểm	-6.24%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.09%
Bán lẻ	-3.99%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.98%
Du lịch và Giải trí	-3.06%
Xây dựng và Vật liệu	-3.04%
Thực phẩm và đồ uống	-3.00%
Dầu khí	-2.37%
Truyền thông	-2.09%
Viễn thông	-1.89%
Y tế	-1.38%
Tài nguyên Cơ bản	-0.65%
Ngân hàng	-0.62%
Bất động sản	0.25%
Công nghệ Thông tin	1.41%

Hình 1

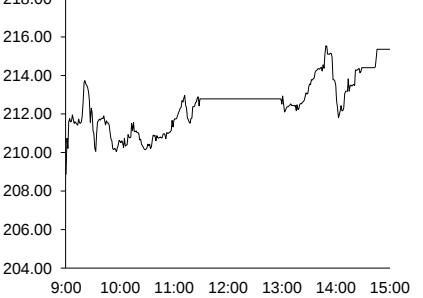
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

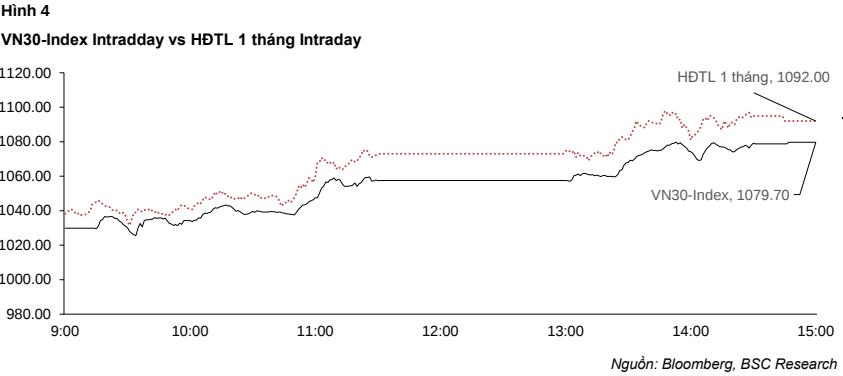
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.4	1	1.29%	Có thể tiếp tục mua
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	39	4	7.29%	Có thể tiếp tục mua
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	19.2	5	6.08%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.2	6	-4.17%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	16.4	57	-3.24%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	SL	9	-10.08%
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	TP	18	13.19%
1/7/2021	HAG	5.64	6.3	5	TP	4	11.70%
1/6/2021	MPC	30.6	36	28.4	SL	13	-7.19%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	2	4.89%	-3.71%	1.45%	15
Cổ phiếu đã chốt	107	55	13.08%	-8.14%	5.87%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2102	1092.00	6.02%	12.30	-0.9%	237,857	2/18/2021	18
VN30F2103	1096.10	5.09%	16.40	-26.1%	1,555	3/18/2021	46
VN30F2106	1101.00	5.26%	21.30	-20.2%	210	6/17/2021	137
VN30F2109	1102.90	5.54%	23.20	-24.3%	187	9/16/2021	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 49.84 điểm lên mức 1079.7 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, VCB, VNM và HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng nhẹ trong phiên sáng và đến phiên chiều lực cầu đã quay trở lại giúp cho chỉ số tăng mạnh. VN30 có thể sẽ biến động mạnh trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Tất cả các hợp đồng đều giảm về khối lượng giao dịch. Xét về vị thế mở, VN30F2102 và VN30F2103 đều tăng, trong khi VN30F2106 và VN30F2109 đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1100 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2016	5/4/2021	91	1:1	397,100	39.13%	4,800	7,250	35.77%	6,857	1.06	31,800	27,000	33,150
CVHM2007	2/8/2021	6	5:1	1,455,400	32.36%	2,900	3,850	30.95%	3,892	0.99	89,500	75,000	94,400
CVPB2012	4/1/2021	58	2:1	402,700	39.13%	2,000	5,240	25.66%	5,167	1.01	27,000	23,000	33,150
CVPB2011	4/1/2021	58	2:1	253,600	39.13%	1,900	5,190	23.57%	4,765	1.09	27,800	24,000	33,150
CVNM2010	2/8/2021	6	10:1	2,223,900	27.10%	2,680	2,140	22.99%	35	60.52	111,196	89,412	106,400
CHPG2010	4/5/2021	62	4:1	373,300	34.36%	1,800	4,390	21.94%	1,956	2.24	32,969	27,079	40,500
CFPT2011	4/1/2021	58	5:1	290,100	27.25%	1,700	3,700	17.46%	3,673	1.01	56,500	48,000	66,000
CHPG2017	2/18/2021	16	4:1	791,900	34.36%	1,000	2,850	16.33%	2,918	0.98	32,888	28,888	40,500
CSTB2013	3/12/2021	38	1:1	311,900	40.91%	3,200	5,300	15.72%	5,211	1.02	15,200	12,000	17,150
CFPT2012	5/4/2021	91	5:1	692,600	27.25%	1,500	3,300	14.58%	3,134	1.05	58,500	51,000	66,000
CTCB2013	5/4/2021	91	1:1	245,300	34.82%	4,700	11,620	13.92%	11,288	1.03	27,700	23,000	34,000
CSTB2014	6/14/2021	132	1:1	321,200	40.91%	3,800	5,600	12.00%	5,452	1.03	15,800	12,000	17,150
CHPG2014	4/19/2021	76	1:1	69,200	34.36%	7,200	23,680	11.96%	14,265	1.66	27,570	21,680	40,500
CMBB2009	4/1/2021	58	2:1	283,500	33.21%	1,700	4,000	11.73%	2,278	1.76	22,400	19,000	23,350
CVRE2014	5/4/2021	91	1:1	559,000	35.24%	4,600	5,180	9.98%	5,275	0.98	32,100	27,500	31,950
CSTB2007	4/27/2021	84	2:1	318,200	40.91%	1,500	3,250	9.06%	3,169	1.03	13,999	10,999	17,150
CMBB2010	6/14/2021	132	1:1	241,800	33.21%	4,600	7,800	8.48%	7,657	1.02	20,600	16,000	23,350
CTCB2010	4/1/2021	58	2:1	256,600	34.82%	2,000	6,350	5.83%	6,331	1.00	25,500	21,500	34,000
CTCH2001	5/14/2021	101	4:1	856,600	43.04%	1,400	1,320	-11.41%	318	4.16	27,790	22,327	21,000
Tổng				10,343,900	35.34%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 2/2/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CVNM2014 và CVPB2016 tăng mạnh lần lượt là 37.93% và 35.77%. Trái lại, CVNM2015 và CTCH2003 giảm mạnh lần lượt là -25.88% và -14.76%. Giá trị giao dịch tăng 18.13%. CVRE2013 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.85% thị trường.
- CVPB2013, CTCB2011, CVRE2014, CHPG2017, và CMBB2011 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CHPG2025, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2013, CMSN2010, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	105.90	6.97	5.78
TCB	34.00	5.59	5.08
VPB	33.15	6.94	4.91
HPG	40.50	5.61	4.86
VNM	106.40	3.60	3.81

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
BID	39.4	0.64	0.05
POW	11.7	1.30	0.09
BVH	54.7	2.24	0.11
TCH	21.0	2.69	0.15
GAS	76.5	1.73	0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Báo cáo cập nhật Ngân hàng TMCP Phương Đông

OCB - TP 27,700 VND - Upside 21.0% - BSC Company Update

OCB sẽ niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 28/01/2021 với giá tham chiếu 22,900 VND/cp, tương ứng với P/B F 2021 = 1.24x (trung bình ngành 2021 hiện tại ở mức 1.3x - 1.4x PBR). Đã có cổ đông chiến lược sở hữu 15% của Nhật Bản.

Quy mô nhỏ. OCB là ngân hàng nhỏ với TTS ~ 152,000 tỷ VND. Kế hoạch tăng trưởng đến năm 2025 > 380,000 tỷ VND, tăng trưởng tín dụng và huy động > 20%/năm.

Chiến lược tương lai.

- Tập trung vào khách hàng bán lẻ - trung lưu và SME (hiện tại 33% Retail, 41% SME). Tiếp cận thông qua thị trường khách
- Tăng trưởng nhờ công nghệ, đẩy mạnh phát triển kinh doanh ngân hàng số.
- Hợp tác với các tổ chức lớn và đối tác đa dạng. Phát triển nhờ cho vay DN lớn và KH của các DN này.
- Tăng quản trị rủi ro và tiết giảm chi phí (CIR < 35% đến năm 2025).

Phân tích tài chính.

TS sinh lãi 139,400 tỷ VND, tăng trưởng với CAGR = 25.7%/năm trong giai đoạn 2015-2020.

LDR giữ trung bình ở mức 70% - 71%, thấp hơn mức cho phép của SBV và tạo thêm room tăng trưởng trong tương lai.

NIM ~4.0%, lãi suất cao hơn so với các NH lớn và tiết giảm chi phí vốn.

Chất lượng tài sản được cải thiện trong năm 2020. NPL = 1.7% (-0.1% so với năm 2019), LLCR = 62.3% (+6.9% so với năm 2019). Điều này giúp chi phí tín dụng ở mức trung bình 1.5%-1.6%/năm.

Tỷ lệ an toàn vốn ở mức cao, không đóng góp nhiều bởi vốn cấp 2. CAR Basel II = 12.9%, trong đó chỉ có khoảng 0.2% đóng góp bởi vốn cấp 2.

KQKD 2020. TOI = 8,013 tỷ VND (+21.2% yoy), PBT = 4,420 tỷ VND (+36.8% yoy).

Dự báo KQKD 2021. BSC dự báo OCB sẽ ghi nhận TOI = 8,853 tỷ VND (+10.5% yoy), PBT = 5,170 tỷ VND (+17.0% yoy), BVPS 2021 = 18,465 VND/cp.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	128.0	3.5%	1.0	2,597	7.6	8,654	14.8	3.7	50.4%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	81.5	3.4%	1.1	806	2.1	4,727	17.2	3.5	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	54.7	2.2%	1.5	1,765	1.4	2,087	26.2	2.0	28.2%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	30.5	0.0%	0.5	296	0.0	3,321	9.2	1.0	54.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	105.9	7.0%	0.7	15,574	8.0	1,569	67.5	4.6	14.0%	6.7%
VRE	Bất động sản	32.0	6.5%	1.1	3,157	11.3	1,048	30.5	2.6	31.4%	8.1%
VHM	Bất động sản	94.4	6.9%	1.1	13,501	11.1	8,463	11.2	3.6	22.2%	39.1%
DXG	Bất động sản	19.5	6.8%	1.2	439	4.6	(833)		1.6	35.2%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	27.8	3.7%	1.5	724	13.7	2,093	13.3	1.7	45.0%	13.1%
VCI	Chứng khoán	48.5	1.9%	1.0	349	1.7	4,662	10.4	1.8	27.4%	17.9%
HCM	Chứng khoán	25.6	2.2%	1.6	340	4.3	1,738	14.7	1.8	49.0%	12.1%
FPT	Công nghệ	66.0	3.9%	0.8	2,249	9.2	4,122	16.0	3.3	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	59.0	-1.5%	0.4	702	0.0	4,812	12.3	3.1	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	76.5	1.7%	1.4	6,366	3.1	4,752	16.1	3.1	2.9%	19.7%
PLX	Dầu khí	49.7	2.5%	1.5	2,634	2.3	631	78.7	3.0	15.5%	4.3%
PVS	Dầu khí	16.4	5.1%	1.6	341	7.8	1,621	10.1	0.6	10.1%	6.3%
BSR	Dầu khí	9.5	5.6%	0.8	1,281	2.2	898	10.6	0.9	41.1%	8.5%
DHG	Dược	98.1	-1.9%	0.4	558	0.1	5,443	18.0	3.6	54.7%	20.5%
DPM	Hóa chất	15.1	-1.3%	0.6	257	2.1	1,734	8.7	0.7	12.8%	10.4%
DCM	Hóa chất	11.8	-1.3%	0.6	272	1.2	1,030	11.5	1.0	3.0%	8.8%
VCB	Ngân hàng	96.5	5.9%	1.1	15,561	4.4	4,974	19.4	3.6	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	39.4	0.6%	1.3	6,881	4.3	1,775	22.2	2.1	17.3%	9.4%
CTG	Ngân hàng	33.9	5.9%	1.3	5,488	11.1	3,674	9.2	1.5	28.7%	16.9%
VPB	Ngân hàng	33.2	6.9%	1.2	3,538	6.4	4,271	7.8	1.5	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	23.4	6.1%	1.2	2,841	14.2	2,965	7.9	1.4	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	27.4	2.6%	0.9	2,570	7.7	3,557	7.7	1.7	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	61.6	2.7%	0.7	219	0.5	6,386	9.6	2.1	81.8%	20.7%
NTP	Nhựa	34.1	0.0%	0.5	175	0.1	3,797	9.0	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	18.3	5.8%	0.6	875	1.1	356	51.4	1.5	10.1%	2.9%
HPG	Thép	40.5	5.6%	1.1	5,834	49.1	4,056	10.0	2.4	31.0%	21.3%
HSG	Thép	22.9	3.9%	1.4	441	8.8	3,387	6.7	1.5	11.4%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	106.4	3.6%	0.7	9,667	15.3	4,770	22.3	7.1	57.7%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	179.0	3.5%	0.8	4,991	3.6	7,064	25.3	5.8	63.1%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	84.0	2.4%	0.9	4,290	6.9	1,054	79.7	6.2	32.1%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	18.0	6.8%	1.2	482	1.9	1,114	16.1	1.5	8.1%	5.5%
ACV	Vận tải	69.5	-1.4%	0.8	6,578	0.6	3,450	20.1	4.1	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	129.7	3.3%	1.1	2,954	3.3	132		4.9	18.9%	-5.6%
HVN	Vận tải	25.3	0.8%	1.7	1,560	0.6	(7,647)		5.6	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	27.7	-0.2%	0.9	363	3.6	1,133	24.5	1.4	38.2%	5.8%
PVT	Vận tải	15.4	3.4%	1.3	217	3.8	1,953	7.9	1.0	13.5%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	74.7	2.3%	1.0	520	0.6	8,545	8.7	3.1	3.5%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.5	3.6%	0.5	711	1.3	1,323	27.6	2.6	6.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	2.5%	0.9	272	0.2	1,613	10.2	1.2	6.0%	11.5%
CTD	Xây dựng	68.0	-1.3%	1.1	226	2.5	5,831	11.7	0.6	45.5%	6.9%
CII	Xây dựng	20.7	2.7%	0.5	214	1.8	1,187	17.4	1.0	30.1%	5.8%
REE	Điện	53.5	6.8%	-1.4	719	1.5	5,249	10.2	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	24.4	6.8%	-0.4	203	2.3	2,642	9.2	1.2	13.3%	11.8%
POW	Điện	11.7	1.3%	0.6	1,186	4.6	938	12.4	1.0	8.4%	5.8%
NT2	Điện	23.6	1.5%	0.5	295	0.4	2,095	11.2	1.6	17.8%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	36.7	7.0%	1.0	750	21.1	363	101.0	1.8	19.3%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	55.0	2%	1.0	2,475	0.2			3.7	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	105.90	6.97	6.24	1.77MLN
VHM	94.40	6.91	5.46	2.76MLN
VCB	96.50	5.93	5.35	1.06MLN
VNM	106.40	3.60	2.07	3.35MLN
HPG	40.50	5.61	1.90	28.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
ITA	-0.01	-0.10	19.97MLN	1.11MLN
ASM	-0.01	-0.08	6.99MLN	607060
DHG	0.00	-0.07	29200	373600
FIT	-0.01	-0.06	10.77MLN	192700
HAG	-0.01	-0.06	9.41MLN	611640

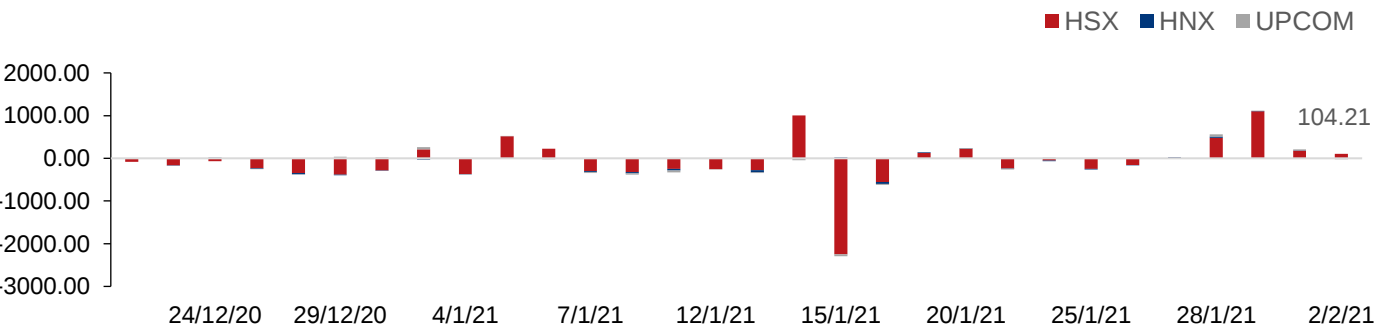
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KBC	36.70	7.00	0.31	14.30MLN
VIC	105.90	6.97	6.24	1.77MLN
PGD	29.95	6.96	0.05	4400
TPC	9.99	6.96	0.00	19500
TTB	5.54	6.95	0.01	1.42MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCR	3.59	-6.99	0.00	22300
LSS	8.65	-6.99	-0.01	1.24MLN
TTF	4.28	-6.96	-0.03	7.41MLN
ROS	3.88	-6.95	-0.04	8.24MLN
PXS	5.63	-6.94	-0.01	1.11MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.5	1,412	8.9	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	27.4	3,557	7.7	1.7	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.5	3,450	20.1	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.1	4,065	6.7	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	33.9	3,674	9.2	1.5	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.0	13,724	3.4	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	49.5	5,729	8.6	1.9	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	74.5	5,923	12.6	2.8	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	98.1	5,443	18.0	3.6	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	15.1	1,734	8.7	0.7	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	25.2	2,160	11.7	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	19.5	-833		1.6	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	66.0	4,122	16.0	3.3	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	27.7	1,133	24.5	1.4	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	37.5	5,826	6.4	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	40.5	4,056	10.0	2.4	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	22.9	3,387	6.7	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	36.7	363	101.0	1.8	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.6	2,043	15.0	2.1	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	30.6	2,043	15.0	2.1	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	12.4			0.9	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	27.9	2,528	11.0	1.1	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	84.0	1,054	79.7	6.2	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	128.0	8,654	14.8	3.7	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	32.1	2,975	10.8	1.5	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	207.8	9,855	21.1	8.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.2	7,700	7.4	2.4	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	23.5	1,842	12.8	1.4	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	81.5	4,727	17.2	3.5	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	17.5	0	61.6	0.5	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	15.4	1,953	7.9	1.0	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	36.0	4,313	8.3	1.7	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	179.0	7,064	25.3	5.8	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	18.0	1,114	16.1	1.5	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	36.9	1,861	19.8	2.9	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	34.0	3,521	9.7	1.6	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	96.5	4,974	19.4	3.6	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	42.4	4,239	10.0	2.1	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.7	563	26.1	1.2	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	35.3	3,873	9.1	1.2	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	106.4	4,770	22.3	7.1	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	33.2	4,271	7.8	1.5	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.0	1,048	30.5	2.6	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	101.0	4,105	24.6	8.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639